

XIV. MẮT

TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
		3			
1	2	A	B	C	D
1.	Phẫu thuật mổ bong võng mạc trên mắt độc nhất, gần mù	x			
2.	Phẫu thuật giảm áp hốc mắt (phá thành hốc mắt, mở rộng lỗ thị giác...)	x	x		
3.	Vá võ xương hốc mắt (thành dưới, thành trong có hoặc không dùng sụn sườn)	x	x		
4.	Phẫu thuật lấy thể thủy tinh (trong bao, ngoài bao, Phaco) có hoặc không đặt IOL trên mắt độc nhất	x	x		
5.	Phẫu thuật tán nhuyễn thể thủy tinh bằng siêu âm (Phaco) có hoặc không đặt IOL	x	x		
6.	Phẫu thuật glôcôm lần hai trở lên	x	x		
7.	Phẫu thuật bong võng mạc tái phát	x			
8.	Phẫu thuật ghép giác mạc lần hai trở lên	x			
9.	Phẫu thuật phức tạp như: cataract bệnh lý trên trẻ quá nhỏ, người bệnh quá già, có bệnh tim mạch kèm theo	x	x		
10.	Phẫu thuật glôcôm ác tính trên mắt độc nhất, gần mù	x			
11.	Phẫu thuật bệnh võng mạc trẻ đẻ non	x			
12.	Tháo dầu Silicon nội nhãn	x	x		
13.	Bơm dầu Silicon, khí bổ sung sau PT cắt DK điều trị BVM	x			
14.	Cắt dịch kính có hoặc không laser nội nhãn	x	x		
15.	Cắt dịch kính, bóc màng trước võng mạc	x			
16.	Cắt dịch kính, khớ nội nhãn điều trị lỗ hoàng điểm	x			
17.	Cắt dịch kính + laser nội nhãn + lấy dị vật nội nhãn	x	x		
18.	Cắt dịch kính lấy ấu trùng sản trong buồng dịch kính	x	x		
19.	Cắt dịch kính điều trị viêm mủ nội nhãn	x	x		
20.	Cắt dịch kính điều trị tổ chức hóa dịch kính	x	x		
21.	Cắt dịch kính điều trị tồn lưu dịch kính nguyên thủy	x			
22.	Phẫu thuật bong võng mạc, cắt dịch kính có hoặc không laser nội nhãn, có hoặc không dùng dầu/khí nội nhãn	x	x		
23.	Phẫu thuật bong võng mạc theo phương pháp kính điện	x	x		
24.	Tháo đại độn cứng mạc	x	x		
25.	Điều trị glôcôm bằng laser mỏng mắt chu biên	x	x		
26.	Điều trị glôcôm bằng tạo hình mỏng mắt (Iridoplasty)	x	x		
27.	Điều trị glôcôm bằng tạo hình vùng bè (Trabeculoplasty)	x	x		
28.	Điều trị glôcôm bằng quang đông thể mi	x	x		
29.	Điều trị một số bệnh võng mạc bằng laser (bệnh võng mạc tiểu đường, cao huyết áp, trẻ đẻ non...)	x	x		

30.	Laser điều trị U nguyên bào võng mạc	x			
31.	Lạnh đông điều trị ung thư võng mạc	x			
32.	Mở bao sau đục bằng laser	x	x		
33.	Điều trị laser hồng ngoại	x	x		
34.	Laser excimer điều trị tật khúc xạ	x	x		
35.	Laser femtosecond điều trị tật khúc xạ	x	x		
36.	Laser femtosecond điều trị lão thị (PT: INTRACOR)	x	x		
37.	Bóc biểu mô giác mạc (xâm nhập dưới vật) sau phẫu thuật Lasik	x	x		
38.	Điều trị sẹo giác mạc bằng laser	x	x		
39.	Phẫu thuật độn củng mạc bằng collagen điều trị cận thị	x	x		
40.	Rạch giác mạc điều chỉnh loạn thị	x			
41.	Lấy thể thủy tinh sa, lệch bằng phương pháp phaco, phối hợp cắt dịch kính có hoặc không đặt IOL	x			
42.	Lấy thể thủy tinh sa, lệch trong bao phối hợp cắt dịch kính có hoặc không cố định IOL	x	x		
43.	Cắt thể thủy tinh, dịch kính có hoặc không cố định IOL	x	x		
44.	Phẫu thuật lấy thể thủy tinh ngoài bao có hoặc không đặt IOL	x	x		
45.	Phẫu thuật thể thủy tinh bằng phaco và femtosecond có hoặc không đặt IOL	x	x		
46.	Phẫu thuật đặt thể thủy tinh nhân tạo (IOL) thì 2 (không cắt dịch kính)	x	x		
47.	Phẫu thuật chỉnh, xoay, lấy IOL có hoặc không cắt DK	x	x		
48.	Đặt IOL trên mắt cận thị (Phakic)	x	x		
49.	Phẫu thuật cố định IOL thì hai + cắt dịch kính	x	x		
50.	Cắt màng xuất tiết diện đồng tử, cắt màng đồng tử	x	x		
51.	Mở bao sau bằng phẫu thuật	x	x		
52.	Cắt chỉ bằng laser	x	x		
53.	Ghép giác mạc xuyên	x	x		
54.	Ghép giác mạc lớp	x	x		
55.	Ghép giác mạc có vành củng mạc	x	x		
56.	Ghép giác mạc tự thân	x	x		
57.	Ghép nội mô giác mạc	x			
58.	Ghép củng mạc	x	x		
59.	Ghép giác mạc nhân tạo	x			
60.	Ghép vòng căng/hoặc thấu kính trong nhu mô giác mạc	x	x		
61.	Nội thông lệ mũi có hoặc không đặt ống Silicon có hoặc không áp thuốc chống chuyển hóa	x	x		
62.	Nội thông lệ mũi nội soi	x	x		
63.	Phẫu thuật mở rộng điểm lệ	x	x		
64.	Phẫu thuật đặt ống Silicon lệ quản – ống lệ mũi	x	x		
65.	Phẫu thuật mộng có ghép (kết mạc rời tự thân, màng ối...) có hoặc không áp thuốc chống chuyển hoá	x	x		

66.	Phẫu thuật mộng có ghép (kết mạc tự thân, màng ôi...) có hoặc không sử dụng keo dán sinh học	x	x		
67.	Phẫu thuật ghép màng sinh học bề mặt nhãn cầu	x			
68.	Gọt giác mạc đơn thuần	x	x		
69.	Ghép màng ôi, kết mạc điều trị loét, thủng giác mạc	x	x		
70.	Tách dính mi cầu, ghép kết mạc rời hoặc màng ôi	x	x		
71.	Lấy dị vật hốc mắt	x	x		
72.	Lấy dị vật trong củng mạc	x	x		
73.	Lấy dị vật tiền phòng	x	x		
74.	Lấy dị vật nội nhãn bằng nam châm	x	x		
75.	Cắt mộng mắt quang học có hoặc không tách dính phức tạp	x	x		
76.	Vá da, niêm mạc tạo cùng đồ có hoặc không tách dính mi cầu	x	x		
77.	Cố định màng xương tạo cùng đồ	x	x		
78.	Cố định bao Tenon tạo cùng đồ dưới	x	x		
79.	Tái tạo lệ quản kết hợp khâu mi	x	x		
80.	Sinh thiết tổ chức mi	x	x		
81.	Sinh thiết tổ chức hốc mắt	x	x		
82.	Sinh thiết tổ chức kết mạc	x	x	x	
83.	Cắt u da mi không ghép	x	x	x	
84.	Cắt u mi cả bề dày không ghép	x	x		
85.	Cắt u da mi có trượt lông mi, vạt da, hay ghép da	x	x		
86.	Cắt u mi cả bề dày ghép sụn kết mạc và chuyển vạt da	x	x		
87.	Cắt u mi cả bề dày ghép niêm mạc cứng của vòm miệng và chuyển vạt da	x	x		
88.	Cắt u kết mạc có hoặc không u giác mạc không ghép	x	x		
89.	Cắt u kết mạc, giác mạc có ghép kết mạc, màng ôi hoặc giác mạc	x	x		
90.	Cắt u tiền phòng	x	x		
91.	Cắt u hậu phòng	x			
92.	Tiêm cortison điều trị u máu	x	x		
93.	Điều trị u máu bằng hoá chất	x	x		
94.	Áp lạnh điều trị u máu mi, kết mạc, hốc mắt	x	x		
95.	Laser điều trị u máu mi, kết mạc, hốc mắt	x	x		
96.	Cắt u hốc mắt có hoặc không mở xương hốc mắt	x	x		
97.	Nạo vét tổ chức hốc mắt	x	x		
98.	Chích mỡ hốc mắt	x	x		
99.	Ghép mỡ điều trị lồi mắt	x	x		
100.	Đặt sụn sườn vào dưới màng xương điều trị lồi mắt	x	x		
101.	Đặt bản Silicon điều trị lồi mắt	x	x		
102.	Nâng sàn hốc mắt	x	x		
103.	Tạo hình hốc mắt trong tật không nhãn cầu để lắp mắt giả	x	x		
104.	Tái tạo cùng đồ	x	x		
105.	Cố định tuyến lệ chính điều trị sa tuyến lệ chính	x	x		
106.	Đóng lỗ dò đường lệ	x	x	x	

107.	Tạo hình đường lệ có hoặc không điểm lệ	x	x		
108.	Phẫu thuật lác phức tạp (di thực cơ, phẫu thuật cơ chéo, Faden...)	x	x		
109.	Phẫu thuật lác thông thường	x	x		
110.	Phẫu thuật lác có chỉnh chỉ	x	x		
111.	Cắt chỉ sau phẫu thuật lác	x	x		
112.	Cắt chỉ sau phẫu thuật sụp mi	x	x	x	
113.	Chỉnh chỉ sau mổ lác	x	x		
114.	Phẫu thuật đính chỗ bám cơ vào dây chằng mi điều trị lác liệt	x	x		
115.	Sửa sẹo sau mổ lác	x	x		
116.	Cắt chỉ sau phẫu thuật lác, sụp mi	x	x		
117.	Điều trị lác bằng thuốc (botox, dysport...)	x	x		
118.	Phẫu thuật rút ngắn cơ nâng mi trên điều trị sụp mi	x	x		
119.	Phẫu thuật gấp cân cơ nâng mi trên điều trị sụp mi	x	x		
120.	Phẫu thuật treo mi - cơ trán (bằng Silicon, cân cơ đùi...) điều trị sụp mi	x	x		
121.	Phẫu thuật hạ mi trên (chỉnh chỉ, lùi cơ nâng mi ...)	x	x		
122.	Cắt cơ Muller	x	x		
123.	Lùi cơ nâng mi	x	x		
124.	Vá da tạo hình mi	x	x		
125.	Phẫu thuật tạo hình nếp mi	x	x		
126.	Phẫu thuật tạo hình hạ thấp hay nâng nếp mi	x	x		
127.	Phẫu thuật lấy mỡ dưới da mi (trên, dưới, 2 mi)	x	x		
128.	Kéo dài cân cơ nâng mi	x	x		
129.	Ghép da hay vạt da điều trị hở mi do sẹo	x	x		
130.	Phẫu thuật làm hẹp khe mi, rút ngắn dây chằng mi ngoài, mi trong điều trị hở mi do liệt dây VII	x	x		
131.	Phẫu thuật cắt cơ Muller có hoặc không cắt cân cơ nâng mi điều trị hở mi	x	x		
132.	Phẫu thuật điều trị lật mi dưới có hoặc không ghép	x	x		
133.	Sửa sẹo xấu vùng quanh mi	x	x		
134.	Di thực hàng lông mi	x	x		
135.	Phẫu thuật Epicanthus	x	x		
136.	Phẫu thuật mở rộng khe mi	x	x		
137.	Phẫu thuật hẹp khe mi	x	x		
138.	Lấy da mi sa (mi trên, mi dưới, 2 mi) có hoặc không lấy mỡ dưới da mi	x	x		
139.	Điều trị co giật mi, co quắp mi, cau mày, nếp nhăn da mi bằng thuốc (botox, dysport...), laser	x	x		
140.	Rút ngắn góc trong mắt (phẫu thuật Y-V có hoặc không rút ngắn dây chằng mi trong)	x	x		
141.	Điều trị di lệch góc mắt	x	x		
142.	Phẫu thuật Doenig	x	x		
143.	Phẫu thuật điều trị bong hắc mạc: Chọc hút dịch bong dưới hắc mạc, bơm hơi tiền phòng	x	x		
144.	Lạnh đông đơn thuần phòng bong võng mạc	x	x		

145.	Phẫu thuật cắt mộng mắt chu biên	x	x		
146.	Tạo hình mộng mắt (khâu mộng mắt, chân mộng mắt...)	x	x		
147.	Cắt bẻ sử dụng thuốc chống chuyển hoá hoặc chất antiVEGF	x	x		
148.	Cắt củng mạc sâu có hoặc không áp thuốc chống chuyển hoá	x	x		
149.	Mở góc tiền phòng	x	x		
150.	Mở bẻ có hoặc không cắt bẻ	x	x		
151.	Đặt ống Silicon tiền phòng điều trị glôcôm	x	x		
152.	Đặt ống tiền phòng điều trị glôcôm (Đặt shunt mini Express)				
153.	Đặt van dẫn lưu tiền phòng điều trị glôcôm	x	x		
154.	Rút van dẫn lưu, ống Silicon tiền phòng	x	x		
155.	Sửa vá sẹo bong bằng kết mạc, màng ôi, củng mạc	x	x		
156.	Sửa sẹo bong bằng kim (Phẫu thuật needling)				
157.	Chọc hút dịch kính, tiền phòng lấy bệnh phẩm	x	x		
158.	Tiêm nội nhãn (Kháng sinh, antiVEGF, corticoid...)	x	x		
159.	Tiêm nhu mô giác mạc	x	x		
160.	áp tia beta điều trị các bệnh lý kết mạc	x	x		
161.	Tập nhược thị	x	x	x	
162.	Rửa tiền phòng (máu, xuất tiết, mủ, hóa chất...)	x	x		
163.	Rửa chất nhân tiền phòng	x	x		
164.	Cắt bỏ túi lệ	x	x	x	
165.	Phẫu thuật mộng đơn thuần	x	x	x	
166.	Lấy dị vật giác mạc sâu	x	x	x	
167.	Cắt bỏ chắp có bọ	x	x	x	
168.	Khâu cò mi, tháo cò	x	x	x	
169.	Chích dẫn lưu túi lệ	x	x	x	
170.	Phẫu thuật lác người lớn	x	x	x	
171.	Khâu da mi đơn giản	x	x	x	
172.	Khâu phục hồi bờ mi	x	x	x	
173.	Ghép da dị loại	x			
174.	Xử lý vết thương phần mềm, tổn thương nông vùng mắt	x	x	x	
175.	Khâu phủ kết mạc	x	x	x	
176.	Khâu giác mạc	x	x	x	
177.	Khâu củng mạc	x	x	x	
178.	Thăm dò, khâu vết thương củng mạc	x	x	x	
179.	Khâu lại mép mô giác mạc, củng mạc	x	x		
180.	Cắt bẻ củng giác mạc (Trabeculectomy)	x	x	x	
181.	Lạnh đông thể mi	x	x	x	
182.	Điện đông thể mi	x	x	x	
183.	Bơm hơi / khí tiền phòng	x	x	x	
184.	Cắt bỏ nhãn cầu có hoặc không cắt thị thần kinh dài	x	x	x	
185.	Múc nội nhãn	x	x	x	
186.	Cắt thị thần kinh	x	x	x	

187.	Phẫu thuật quặm	x	x	x	
188.	Phẫu thuật quặm tái phát	x	x		
189.	Phẫu thuật quặm bằng ghép niêm mạc môi (Sapejko)	x	x		
190.	Nhuộm giác mạc thẩm mỹ	x	x	x	
191.	Mô quặm bẩm sinh	x	x	x	
192.	Cắt chỉ khâu giác mạc	x	x	x	
193.	Tiêm dưới kết mạc	x	x	x	
194.	Tiêm cạnh nhãn cầu	x	x	x	
195.	Tiêm hậu nhãn cầu	x	x	x	
196.	Tiêm nội mô giác mạc	x	x		
197.	Bơm thông lệ đạo	x	x	x	
198.	Lấy máu làm huyết thanh	x	x	x	
199.	Điện di điều trị	x	x	x	
200.	Lấy dị vật kết mạc	x	x	x	x
201.	Khâu kết mạc	x	x	x	x
202.	Lấy calci kết mạc	x	x	x	x
203.	Cắt chỉ khâu da mi đơn giản	x	x	x	x
204.	Cắt chỉ khâu kết mạc	x	x	x	x
205.	Đốt lông xiêu, nhổ lông xiêu	x	x	x	x
206.	Bơm rửa lệ đạo	x	x	x	x
207.	Chích chắp, lẹo, nang lông mi; chích áp xe mi, kết mạc	x	x	x	x
208.	Thay băng vô khuẩn	x	x	x	x
209.	Tra thuốc nhỏ mắt	x	x	x	x
210.	Nặn tuyến bờ mi, đánh bờ mi	x	x	x	x
211.	Rửa cùng đồ	x	x	x	x
212.	Cấp cứu bong mắt ban đầu	x	x	x	x
213.	Bóc sợi giác mạc (Viêm giác mạc sợi)	x	x	x	
214.	Bóc giả mạc	x	x	x	
215.	Rạch áp xe mi	x	x	x	
216.	Rạch áp xe túi lệ	x	x	x	
217.	Đặt kính áp tròng điều trị: tật khúc xạ, giác mạc hình chóp, bệnh lý bề mặt giác mạc	x	x	x	
218.	Soi đáy mắt trực tiếp	x	x	x	x
219.	Soi đáy mắt bằng kính 3 mặt gương	x	x	x	
220.	Soi đáy mắt bằng Schepens	x	x	x	
221.	Soi góc tiền phòng	x	x	x	
222.	Theo dõi nhãn áp 3 ngày	x	x	x	x
223.	Khám lâm sàng mắt	x	x	x	x
224.	Đo thị giác tương phản	x	x		
225.	Gây mê để khám	x	x	x	
	Ung bướu				
226.	Cắt u hốc mắt bằng đường xuyên sọ	x			
227.	Cắt ung thư da vùng mi mắt trên và tạo hình	x	x		
228.	Cắt ung thư hốc mắt đã xâm lấn các xoang: xoang hàm, xoang sàng	x	x		
	Tạo hình				
229.	Phẫu thuật lấy mỡ mi mắt trên, dưới và tạo hình 2 mi	x	x	x	

230.	Phẫu thuật phục hồi trẻ mi dưới	X	X		
231.	Phẫu thuật chuyển gân điều trị mắt hử mi (2 mắt)	X	X		
232.	Lắp mắt giả trong bộ phận giả tái tạo khuyết hồng hàm mắt	X	X		
233.	Phẫu thuật tạo nếp mi	X	X	X	
234.	Phẫu thuật điều trị hử mi	X	X		
235.	Phẫu thuật tạo cùng đồ để lắp mắt giả	X	X		
236.	Phẫu thuật tạo hình mi	X	X	X	
237.	Phẫu thuật tạo mí 2 mắt (xẻ đôi mí)	X	X		
	Chẩn đoán hình ảnh				
238.	Chụp khu trú dị vật nội nhãn	X	X		
239.	Chụp lỗ thị giác	X	X	X	
240.	Siêu âm mắt (siêu âm thường qui)	X	X	X	
241.	Đo lưu huyết mạch máu đáy mắt bằng dople	X	X		
242.	Chụp OCT bán phần trước nhãn cầu	X	X		
243.	Chụp OCT bán phần sau nhãn cầu	X	X		
244.	Chụp đáy mắt không huỳnh quang	X	X		
245.	Chụp đáy mắt RETCAM	X	X		
246.	Chụp mạch với ICG	X	X		
247.	Đo lưu huyết mạch máu đáy mắt bằng dople màu	X	X		
248.	Chụp đĩa thị 3D	X	X		
249.	Siêu âm bán phần trước	X	X		
	Thăm dò chức năng và xét nghiệm				
250.	Test thử cảm giác giác mạc	X	X	X	
251.	Test phát hiện khô mắt	X	X	X	
252.	Nghiệm pháp phát hiện glôcôm	X	X	X	
253.	Đo thị trường trung tâm, thị trường ám điểm	X	X	X	
254.	Đo thị trường chu biên	X	X	X	
255.	Đo nhãn áp (Maclakov, Goldmann, Schiotz.....)	X	X	X	
256.	Đo sắc giác	X	X	X	
257.	Đo khúc xạ khách quan (soi bóng đồng tử - Skiascope)	X	X	X	
258.	Đo khúc xạ máy	X	X	X	
259.	Đo khúc xạ giác mạc Javal	X	X	X	
260.	Đo thị lực	X	X	X	X
261.	Thử kính	X	X	X	
262.	Đo độ lác	X	X	X	
263.	Xác định sơ đồ song thị	X	X	X	
264.	Đo biên độ điều tiết	X	X	X	
265.	Đo thị giác 2 mắt	X	X	X	
266.	Đo độ sâu tiền phòng	X	X	X	
267.	Đo đường kính giác mạc	X	X	X	
268.	Đo độ dày giác mạc	X	X		
269.	Đếm tế bào nội mô giác mạc	X	X		
270.	Chụp bản đồ giác mạc	X	X		
271.	Đo độ bền cơ sinh học giác mạc (Đo ORA)	X	X		
272.	Điện châm kích thích	X	X		
273.	Điện võng mạc	X	X		

274.	Điện nhãn cầu	x	x		
275.	Đo công suất thể thủy tinh nhân tạo bằng siêu âm	x	x	x	
276.	Đo độ lồi	x	x	x	
277.	Test thử nhược cơ	x	x		
278.	Test kéo cơ cứng bức	x	x		
279.	Hoá sinh (Thủy dịch mắt)	x	x		
280.	Định lượng Globulin	x	x		
281.	Định lượng Albumin	x	x		
282.	Định lượng Vitamin	x	x		
283.	Định lượng Cholesterol	x	x		
284.	Định lượng LDH	x	x		
285.	Xét nghiệm tỷ trọng	x	x		
286.	Xét nghiệm pH	x	x		
287.	Định lượng kháng thể	x	x		